

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B5
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Giáo dục QP - An ninh(2)	Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Sơ đồ thảo luận bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353403023569	Phạm Thị Có	20/12/2006	7.6	7.4	8.8	6.9	7.0	7.4	4.8	6.1	8.0	6.7	Trung bình
02	2353403023570	Lê Viết Công	29/09/2008	0.0	0.0	0.0	1.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu
03	2353403023571	Nguyễn Thanh Hương	09/10/2002	0.0	0.0	0.0	0.0	0.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	Yếu
04	2353403023572	Nguyễn Thị Diễm Hương	23/05/2007	5.6	5.9	8.5	6.3	7.5	7.4	6.8	6.2	8.5	7.2	Khá
05	2353403023573	Lê Thị Diễm My	08/10/2008	9.2	8.2	9.0	8.4	8.7	8.1	7.5	6.8	9.1	8.1	Giỏi
06	2353403023574	Lê Hoài Ngọc	24/02/2008	6.2	8.0	7.8	8.4	8.3	7.3	6.5	7.0	8.0	7.5	Khá
07	2353403023575	Nguyễn Thị Ngọc Nhân	08/10/2008	8.0	10.0	9.0	8.5	8.9	8.6	7.9	7.7	9.2	8.5	Giỏi
08	2353403023576	Nguyễn Hữu Phúc	12/03/2005	0.0	0.0	0.0	0.0	0.9	0.5	0.0	0.0	0.0	0.2	Yếu
09	2353403023577	Lê Ngọc Quý	12/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
10	2353403023578	Lê Đình Quốc	18/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
11	2353403023579	Lê Văn Sơn	15/06/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
12	2353403023580	Phan Thị Hoài Thư	17/08/2008	7.2	7.2	8.4	9.0	8.4	8.1	8.2	7.0	8.6	8.2	Giỏi
13	2353403023581	Trần Đức Tiến	08/06/2008	8.1	7.4	8.4	7.7	4.9	6.7	5.0	6.8	8.2	6.6	Trung bình
14	2353403023582	Phạm Anh Trọng	28/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.5	0.0	1.1	0.5	0.0	0.0	0.3	Yếu
15	2353403023583	Lê Thành Trung	18/01/2008	9.4	6.5	8.9	7.4	7.4	7.5	7.4	7.4	8.1	7.6	Khá
16	2353403023584	Nguyễn Thị Bích Tuyền	10/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2353403023585	Đoàn Phạm Kiều Vân	15/12/2008	6.1	8.7	6.3	6.0	5.2	6.6	6.8	5.0	7.0	6.2	Trung bình
18	2353403023586	Lê Thanh Việt	18/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
19	2353403023587	Nguyễn Thị Như Ý	11/07/2008	8.5	8.0	8.9	8.2	8.6	7.3	6.0	6.7	8.6	7.6	Khá
21	2353403023588	Nguyễn Ngọc Kim Yên	18/11/2008	5.6	8.6	7.0	7.5	8.3	6.7	7.1	6.5	6.7	7.1	Khá
22	2353403025244	Bạch Thị Kim Hên	24/07/2007	5.6	6.6	8.4	6.9	7.1	7.5	6.7	7.5	8.2	7.4	Khá
21	2353403025259	Trần Thị Ngọc	28/12/2007	0.0	0.0	0.0	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	Yếu

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái